

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 11-3-2021

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Thúy Nga;
2. Ông Nguyễn Ngọc Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2020/TLST-DS ngày 26/6/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 22/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu Y.

Địa chỉ: Thôn K5, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hữu Y trình bày: Do mối quan hệ họ hàng nên ông Y, bà M có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) vay 2 lần, cụ thể như sau: Vào ngày 18/01/2018 vay 30.000.000 đồng, ngày 23/4/2018 vay 30.000.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng, thời gian trả hai khoản vay là tháng 11/2018. Đến thời hạn theo cam kết mặc dù ông Y, bà M nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ, nhưng bà H cố tình trốn tránh

không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Y, bà M, vì vậy nên ông Nguyễn Hữu Y và bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải khoản tiền nợ gốc là 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*).

Tại bản tự khai cũng như biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Do có quan hệ họ hàng nên bà H có vay tiền của vợ chồng ông Y, bà M số tiền 60.000.000 đồng, vay 2 lần cụ thể như sau: Ngày 18/01/2018 vay 30.000.000 đồng, ngày 23/4/2018 vay 30.000.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng, thời hạn trả nợ là tháng 11/2018. Tuy nhiên do gia đình gặp khó khăn nên bà H không trả được nợ cho ông Y, bà M theo cam kết, trong năm 2019 bà H đã trả cho ông Y, bà M số tiền 11.000.000 đồng tiền lãi, nay do chưa có điều kiện trả nợ gốc nên bà H đề nghị được trả gốc và không tính lãi.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Y và bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình; bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối với trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Y và bà Nguyễn Thị M, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Hữu Y và bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Y và bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Do có quan hệ họ hàng nên ông Nguyễn Hữu Y và bà Nguyễn Thị M có cho bà Nguyễn Thị H vay 60.000.000 đồng, thể hiện tại giấy viết tay vào ngày 18/01/2018 vay 30.000.000 đồng, ngày 23/4/2018 vay 30.000.000 đồng, lãi suất là 2%, thời gian trả nợ là tháng 11/2018 và được bà Nguyễn Thị H thừa nhận, tuy nhiên đến thời hạn trả nợ mặc dù ông Y, bà M đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ, nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, ông Y và bà M khởi kiện yêu cầu bà H phải trả khoản nợ gốc là 60.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận. Đối với khoản tiền bà Nguyễn Thị H đã trả cho ông Nguyễn Hữu Y và bà Nguyễn Thị M là 11.000.000 đồng, khi trả hai bên không lập giấy tờ về việc trả nhưng các bên đều công nhận là trả khoản tiền lãi, tuy nhiên trong đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu về lãi suất nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

Mức án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Y và bà Nguyễn Thị M.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Y và bà Nguyễn Thị M số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) nợ gốc.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hữu Y số tiền 1.500.000đ

(Một triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0006627 ngày 24/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Krông Buk;
- Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hs-vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Hoa Lý